TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 20/2026/DS-ST
Ngày: 10 - 02 - 2026
V/v: Tranh chấp H đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Sơn, cán bộ hưu trí

2. Ông Nguyễn Văn Học, cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Đỗ Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thái Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 9 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 241/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp H đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Anh Trần Quang D, sinh năm 1990;

Căn cước công dân số 030090018966;

Địa chỉ: Đội 12, thôn X, xã C, tỉnh Hưng Yên, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hồng Q, sinh năm 1992;

Căn cước công dân số 001092022217;

Địa chỉ: Số 16, Tổ dân phố T, phường T, Thành phố Hà Nội, có đơn xin vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Quách Thị Mai H, sinh năm 1990; Căn cước công dân số 033190006444; Địa chỉ: Đội 12, thôn X, xã C, tỉnh Hưng Yên, vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Quách Thị Mai H là: Anh Trần Quang D, sinh năm 1990; Căn cước công dân số 030090018966; Địa chỉ: Đội 12, thôn X, xã C, tỉnh Hưng Yên, có mặt tại phiên tòa.

4. Người làm chứng: Anh Nghiêm Văn H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ngõ 34, phố Đ, Quận L, thành phố Hà Nội (nay là Ngõ 34, Phố Đ, phường L, thành

phố Hà Nội), vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn anh Trần Quang D trình bày:

Anh và anh Phạm Hồng Q, sinh năm 1992 ở thôn T, xã L, thị xã T, Hà Nội (nay là tổ dân phố T, phường T, thành phố Hà Nội) không anh em, họ hàng, chỉ là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Hai người quen nhau từ năm 2016. Vào tháng 9 năm 2022, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên anh Q đã hỏi vay tiền anh. Do vậy, ngày 20/9/2022 anh đã cho anh Phạm Hồng Q vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền Việt Nam, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay là ngày 20/9/2022 đến ngày 20/9/2023 anh Q phải thanh toán trả đầy đủ tiền nợ gốc, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Khi anh cho anh Q vay tiền thì anh Q chưa lấy vợ. Hai bên có viết giấy cho vay tiền, có chữ ký của bên cho vay (Trần Quang D) và bên vay (Phạm Hồng Q), có người làm chứng là anh Nghiêm Văn H. Trong giấy cho vay tiền ghi lãi suất hai bên tự thỏa thuận, không ghi cụ thể lãi suất là bao nhiêu, nhưng thực tế giữa anh và anh Q thỏa thuận miệng tiền lãi là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng)/tháng.

Sau khi hai bên ký giấy cho vay tiền thì anh Q đã nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) mà anh cho anh Q vay. Kể từ khi vay tiền đến nay, anh Q chưa trả anh đồng nào tiền nợ lãi, đến hạn trả nợ gốc mà anh Q cũng không trả. Anh gặp anh Q nhiều lần đòi nợ, anh Q đều thừa nhận có vay của anh 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) nhưng anh Q đều khất nợ gốc và nợ lãi.

Cuối năm 2024, do cần tiền để làm ăn nên anh đã liên hệ với anh Q đòi nợ. Sau đó anh Q đã chủ động gọi điện cho anh. Giữa anh và anh Q thỏa thuận miệng: Nếu anh Q trả tiền ngay cho anh thì anh Q chỉ phải trả anh số tiền 250 triệu đồng, anh cho anh Q 50 triệu đồng tiền nợ gốc và toàn bộ tiền nợ lãi. Nếu anh Q trả nợ dần trong vòng 06 tháng thì anh lấy đủ số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) mà anh Q đã vay, anh cho anh Q toàn bộ tiền nợ lãi. Sau khi hai bên thỏa thuận nội dung trên thì anh Q không trả tiền cho anh ngay và trong vòng 06 tháng cũng không trả anh đồng nào, anh đòi nợ nhiều lần nhưng lần nào anh Q cũng hẹn, sau đó không trả đồng nào.

Số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) anh cho anh Q vay là tiền riêng của anh, không phải là tiền chung của anh và vợ anh là chị Quách Thị Mai H. Vợ anh biết anh và anh Q quen nhau và biết việc anh cho anh Q vay tiền, biết số tiền anh cho anh Q vay là tiền riêng của anh, không phải là tiền chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, anh yêu cầu anh Phạm Hồng Q trả anh số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi là 259.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng), tổng cộng cả nợ gốc và nợ lãi là

559.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu đồng).

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, anh đã có bản tự khai gửi qua bưu điện đến Tòa án. Anh yêu cầu anh Phạm Hồng Q phải trả anh số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi là 102.916.255 đồng (Một trăm linh hai triệu, chín trăm mười sáu nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng). Tổng số tiền anh Q phải trả anh là 402.916.255 đồng (Bốn trăm linh hai triệu, chín trăm mười sáu nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng). Ngoài yêu cầu trên, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung gì khác.

2. Bị đơn anh Phạm Hồng Q trình bày:

Anh và anh Trần Quang D, sinh năm 1990 ở Đội 12, thôn X, xã C, tỉnh Hưng Yên (trước đây anh D ở Khu 1, xã C, tỉnh Hải Dương) không anh em, họ hàng, chỉ là người quen ngoài xã hội. Tháng 9/2022, lúc đó anh chưa lấy vợ, do cần tiền chi tiêu cá nhân của riêng anh nên ngày 20/9/2022 anh có vay của anh Trần Quang D, sinh năm 1990 ở địa chỉ nêu trên số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Hai bên đã viết giấy vay tiền, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày 20/9/2022 đến ngày 20/9/2023 thì anh sẽ thanh toán đầy đủ cả tiền gốc và lãi, lãi suất hai bên tự thỏa thuận, không ghi vào giấy vay tiền. Chữ ký và chữ viết "Phạm Hồng Q tôi đã nhận đủ số tiền vay 300 triệu. Tôi cam kết sẽ trả đúng thời hạn" là chữ ký và chữ viết của anh. Trong giấy cho vay tiền đề người làm chứng là Nghiêm Văn H, nhưng tại thời điểm anh Trần Quang D cho anh vay tiền thì chỉ có anh và anh D, không có anh Nghiêm Văn H chứng kiến. Số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) anh D cho anh vay là tiền riêng của anh D. Số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) anh vay của anh D là khoản vay riêng của anh, không liên quan đến các thành viên khác trong gia đình anh. Anh vay tiền của anh D để chi tiêu cho mục đích cá nhân, lúc đó anh chưa lập gia đình. Sau khi vay tiền của anh D, anh gặp khó khăn về kinh tế không trả được nợ đúng hạn. Anh chưa trả anh D đồng nào tiền nợ gốc và nợ lãi.

Cuối năm 2024 giữa anh và anh D có thỏa thuận miệng là anh trả anh D 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), mỗi tháng trả ít nhất 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), anh D không đòi tiền lãi, nhưng anh cũng không có điều kiện để thực hiện thỏa thuận miệng giữa anh và anh D, anh không trả được anh D đồng nào.

Nay anh D khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) nợ gốc và 259.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng) nợ lãi, tổng cộng cả nợ gốc và nợ lãi là 559.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu đồng), ý kiến của anh như sau: Anh thừa nhận hiện nay anh còn nợ anh Trần Quang D số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) nợ gốc. Anh đồng ý sẽ trả anh Trần Quang D số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) nợ gốc khi anh có điều kiện trả. Về số tiền nợ lãi 259.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng) mà anh D yêu cầu trả thì anh không đồng ý trả anh D vì giữa anh và anh D đã có thỏa thuận miệng, anh D đồng ý cho anh trả 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc và không đòi nợ lãi.

Do là thỏa thuận miệng nên anh không có giấy tờ gì nộp cho Tòa án để chứng minh anh D không đòi tiền nợ lãi đối với số tiền anh đã vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) vào ngày 20/9/2022. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung gì khác.

Do điều kiện công việc bận, anh xin vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Quách Thị Mai H trình bày:

Chị là vợ anh Trần Quang D. Chị và anh D kết hôn với nhau năm 2012. Chị biết anh D cho anh Phạm Hồng Q ở thôn T, xã L, thị xã T (nay là phường T), thành phố Hà Nội vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) anh D cho anh Q vay là tiền riêng của anh D, không phải là tiền chung của chị và anh D. Nay chị đề nghị Tòa án buộc anh Q phải trả anh D số tiền đã vay. Do điều kiện công việc bận, chị không có thời gian đến Tòa án. Chị đã có văn bản ủy quyền cho anh Trần Quang D thay mặt chị giải quyết những vấn đề liên quan đến chị trong vụ án. Mọi ý kiến của anh Trần Quang D đều là ý kiến của chị.

4. Người làm chứng anh Nghiêm Văn H trình bày:

Anh và D, Q là anh em quan hệ xã hội, do làm cùng và chơi cùng nhau. Anh biết Q qua anh em đội bóng lứa tuổi 1992 Sơn Tây. Ngày 20/9/2022 D có gọi cho anh để làm chứng giao dịch vay tiền giữa D và Q. Do bận công việc nên anh đến muộn. Khi anh đến hai bên đã bàn giao tiền xong, hai bên đã ký xong có đầy đủ chữ ký của D bên cho vay và Q bên vay, đã ký nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) trong mục giấy vay tiền, anh có ký vào mục người làm chứng. Anh cam đoan lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ cho anh Trần Quang D và anh Phạm Hồng Q. Anh D đã cung cấp cho Tòa án sao kê sổ phụ kiêm phiếu báo nợ/có của Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam, phôtô liệt kê giao dịch tài khoản và photo tin nhắn giữa anh Q và anh D. Tòa án yêu cầu anh Q cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh anh D đồng ý cho anh Q trả số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc và không yêu cầu trả số tiền nợ lãi. Tuy nhiên, sau khi nhận Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ của Tòa án thì anh Q trình bày do hai bên thỏa thuận bằng miệng nên anh không có tài liệu, chứng cứ gì nộp cho Tòa án.

Anh Phạm Hồng Q có đơn xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, anh Trần Quang D trình bày: Khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, anh yêu cầu anh Phạm Hồng Q trả anh số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi là 259.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng), tổng cộng cả nợ gốc và nợ lãi là 559.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu đồng).

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án, anh đã có

bản tự khai gửi đến Tòa án qua đường bưu điện, anh yêu cầu anh Phạm Hồng Q phải trả anh số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi là 102.916.255 đồng (Một trăm linh hai triệu, chín trăm mười sáu nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng). Tổng số tiền anh yêu cầu anh Q phải trả là 402.916.255 đồng (Bốn trăm linh hai triệu, chín trăm mười sáu nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng).

Tại phiên tòa anh giữ nguyên yêu cầu về số tiền nợ gốc và có sự thay đổi về số tiền nợ lãi. Anh yêu cầu anh Phạm Hồng Q trả anh số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và tiền nợ lãi của số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tính từ ngày 20/9/2022 đến thời điểm xét xử (ngày 10/02/2026) với lãi suất 10%/năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Hà Nội phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, cũng như quá trình thu thập chứng cứ vụ án, Toà án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ vào các điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang D đối với anh Phạm Hồng Q. Buộc anh Phạm Hồng Q phải trả anh Trần Quang D số tiền đã vay theo Giấy cho vay tiền đề ngày 20/9/2022 là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) nợ gốc và tiền nợ lãi tính theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay tiền đến ngày xét xử. Anh D được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Trần Quang D có đơn khởi kiện yêu cầu anh Phạm Hồng Q trả nợ tiền đã cho vay, đây là quan hệ tranh chấp H đồng vay tài sản. Anh Q có địa chỉ cư trú tại Tổ dân phố T, phường T, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Hà Nội theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về xác định tư cách tham gia tố tụng:

Anh Trần Quang D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích H pháp của mình nên xác định là nguyên đơn trong vụ án. Anh Phạm Hồng Q bị nguyên đơn khởi kiện vì cho rằng đã xâm phạm đến quyền và lợi ích H pháp của nguyên đơn nên xác định là bị đơn trong vụ án. Chị Quách Thị Mai H

là vợ của anh Trần Quang D. Khi anh D cho anh Phạm Hồng Q vay tiền thì chị H đã kết hôn với anh D. Vì vậy, Tòa án xác định chị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Anh Nghiêm Văn H ký tên trong Giấy cho vay tiền ở mục người làm chứng nên Tòa án xác định anh H là người làm chứng trong vụ án.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo qui định của pháp luật. Bị đơn anh Phạm Hồng Q đã đến Tòa án trình bày ý kiến và có đơn đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do vậy, Tòa án lập biên bản không hòa giải được. Căn cứ vào Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Anh Phạm Hồng Q đã được Tòa án tống đạt hợhop lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Q theo qui định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện và luật áp dụng: Căn cứ Giấy cho vay tiền hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ 01 năm kể từ ngày vay là ngày 20/9/2022 đến ngày 20/9/2023 anh Q phải thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc, lãi suất hai bên thỏa thuận. Như vậy ngày 20/9/2023 anh Q phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền cho anh D nhưng anh Q không thực hiện. Do đó, xác định ngày 20/9/2023 là thời điểm quyền và lợi ích H pháp của anh D bị xâm phạm. Ngày 03/9/2025, anh D gửi đơn khởi kiện tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo qui định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015.

Giao dịch dân sự giữa các bên phát sinh tại thời điểm Bộ luật dân sự 2015, Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có hiệu lực. Vì vậy, Tòa án căn cứ các qui định của các Bộ luật này để xem xét, giải quyết các yêu cầu của đương sự.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Anh Trần Quang D và anh Phạm Hồng Q hai bên xác nhận anh D có cho anh Q vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Theo Giấy cho vay tiền đề ngày 20/9/2022 được hai bên ký nhận thì thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay là ngày 20/9/2022 đến ngày 20/9/2023 thì anh Q phải trả số tiền vay cho anh D. Anh D và anh Q đều xác nhận số tiền anh D cho anh Q vay là tiền riêng của anh D, số tiền anh Q vay của anh D là khoản vay riêng của anh Q. Kể từ khi vay tiền đến nay anh Q chưa trả được đồng nào cho anh D. Anh Q đồng ý trả anh D số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) đã vay ngày 20/9/2022. Do đó, việc anh D yêu cầu anh Q phải trả số tiền gốc còn nợ 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) là có căn cứ, phù H với qui định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

- Về yêu cầu trả tiền nợ lãi:

Theo nội dung trong Giấy cho vay tiền đề ngày 20/9/2022 thì "lãi suất 2 bên tự

thỏa thuận". Như vậy, Giấy cho vay tiền đề ngày 20/9/2022 giữa anh Trần Quang D và anh Phạm Hồng Q có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không ghi cụ thể lãi suất là bao nhiêu. Anh D và anh Q tranh chấp về lãi suất. Anh D yêu cầu anh Q phải trả số tiền nợ lãi của khoản vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tính từ ngày 20/9/2022 đến thời điểm xét xử (ngày 10/02/2026) với lãi suất 10%/năm. Anh Q không đồng ý trả tiền lãi của khoản vay 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) anh còn nợ anh D vì cho rằng cuối năm 2024 hai bên đã có thỏa thuận miệng, anh D đồng ý không đòi tiền lãi. Tuy nhiên, anh Q không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cuối năm 2024 anh D đồng ý không đòi tiền nợ lãi anh Q. Do vậy, việc anh D yêu cầu anh Q phải trả tiền nợ lãi trên số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) mà anh Q còn nợ với mức lãi suất là 10%/năm là phù H với qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự qui định: "Trường H các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn qui định tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ".

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh D về việc yêu cầu anh Q phải trả tiền lãi là 10%/năm trên số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) kể từ ngày vay là ngày 20/9/2022 đến thời điểm xét xử.

Mức lãi suất theo qui định của pháp luật được xác định 10%/năm = 0,833%/tháng. Thời gian tính lãi từ ngày 20/9/2022 dương lịch đến ngày xét xử (10/02/2026) là 40 tháng 20 ngày.

Số tiền lãi được tính đối với số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 40 tháng 20 ngày = 101.580.000 đồng (Một trăm linh một triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Từ nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang D, buộc anh Phạm Hồng Q có nghĩa vụ trả cho anh Trần Quang D số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), tiền lãi là 101.580.000 đồng (Một trăm linh một triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là 401.580.000 đồng (Bốn trăm linh một triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của anh Trần Quang D được chấp nhận. Vì vậy, anh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại anh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

Anh Phạm Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quang D đối với anh Phạm Hồng Q.

Buộc anh Phạm Hồng Q phải trả anh Trần Quang D số tiền nợ gốc là **300.000.000 đồng** (Ba trăm triệu đồng), tiền lãi là **101.580.000 đồng** (Một trăm linh một triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi là **401.580.000 đồng** (Bốn trăm linh một triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí: Anh Phạm Hồng Q phải chịu 20.063.000 đồng (Hai mươi triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Trần Quang D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.180.000 đồng (Mười ba triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011747 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 9 - Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Dung